

CÔNG TY CỔ PHẦN VICOSTONE

Số: 18 /2026 CV/VCS-QHCD
V/v: Giải trình biến động lợi nhuận sau
thuế hợp nhất năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2026

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán
- Quý cổ đông

Công ty Cổ phần Vicostone (“Công ty”) mã CK: VCS xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Ủy ban chứng khoán Nhà Nước, Sở giao dịch chứng khoán và Quý cổ đông trong thời gian qua.

Căn cứ theo khoản 4, điều 14, chương III, Thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 16/11/2020, Công ty xin được giải trình biến động lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024 chi tiết như sau:

I. So sánh một số chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

Mã số	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Tăng (giảm)	% tăng (giảm)
10	Doanh thu thuần	4.128.893.059.860	4.322.071.392.821	(193.178.332.961)	(4,47)
11	Giá vốn hàng bán	3.084.070.122.487	3.143.979.224.163	(59.909.101.676)	(1,91)
20	Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	1.044.822.937.373	1.178.092.168.658	(133.269.231.285)	(11,31)
21	Doanh thu tài chính	141.640.610.012	102.492.688.205	39.147.921.807	38,20
22	Chi phí tài chính	60.576.032.217	62.367.729.950	(1.791.697.733)	(2,87)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>46.378.603.156</i>	<i>34.586.850.582</i>	<i>11.791.752.574</i>	<i>34,09</i>
25	Chi phí bán hàng	212.730.276.674	191.654.021.101	21.076.255.573	11,00
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	65.368.961.386	65.915.265.249	(546.303.863)	(0,83)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	832.347.942.860	953.344.569.496	(120.996.626.636)	(12,69)
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	138.364.106.637	147.362.677.737	(8.998.571.100)	(6,11)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(479.031.534)	(1.140.297.792)	661.266.258	(57,99)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	694.462.867.757	807.122.189.551	(112.659.321.794)	(13,96)



II. Nguyên nhân biến động

Nguyên nhân dẫn đến biến động lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Công ty trong năm 2025 theo các chỉ tiêu cụ thể như sau:

1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 193.178.332.961 đồng (4,47%) do số lượng thành phẩm, hàng hóa bán giảm.

2. Giá vốn bán hàng giảm 59.909.101.676 đồng (1,91%). Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 133.269.231.285 đồng (11,31%)

3. Doanh thu hoạt động tài chính tăng 39.147.921.807 đồng (38,20%), nguyên nhân:

- Lãi chênh lệch tỷ giá tăng 21.355.900.852 đồng.

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay tăng 17.792.020.955 đồng.

4. Chi phí tài chính giảm 1.791.697.733 đồng (2,87%) do:

- Lỗ chênh lệch tỷ giá giảm 13.950.064.153 đồng.

- Chi phí lãi vay tăng 11.791.752.574 đồng.

5. Chi phí bán hàng tăng 21.076.255.573 đồng (11%), nguyên nhân chính:

- Chi phí đóng hàng tăng 6.831.042.921 đồng

- Chi phí lương nhân viên tăng 4.259.301.558 đồng

- Chi phí vận chuyển, xếp dỡ và các chi phí bán hàng khác tăng 9.985.911.094 đồng

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 546.303.863 đồng (0,83%)

Như vậy, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty giảm 120.996.626.636 đồng (12,69%), lợi nhuận sau thuế giảm 112.659.321.794 đồng (13,96%) so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do doanh thu bán hàng giảm, lợi nhuận gộp giảm và chi phí bán hàng tăng.

Xin chân thành cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Ban QHCD.
- Lưu VT. TCKT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Trí Dũng

